

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 -2022

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quốc Trung và ông Trần Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXX- ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; có mặt.

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Th. B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1978; có mặt.

Địa chỉ: Thôn L.Th, xã T.Th, Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H2 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2008 tại UBND thị trấn Th. B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tôi chuyển công tác đi nơi khác nên vợ chồng không tin tưởng nhau từ đó bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không hoà hợp ảnh hưởng đến gia đình cũng như tâm lý bản thân, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị H2.

- Về con chung: có hai con chung:

1- Cháu Nguyễn Gia T sinh ngày 22/12/2008

2- Cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 27/10/2010

Ly hôn tôi có nguyện vọng là được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Gia T, chị H2 trực tiếp nuôi cháu B không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Chị Nguyễn Thị Thu H2 trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn như anh H trình bày trên là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc bình thường đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H có quan hệ tình cảm ngoài với người phụ nữ khác và có con riêng nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Nay anh H làm đơn ly hôn tôi cũng nhất trí ly hôn.

- *Về con chung*: có hai con chung:

1- Cháu Nguyễn Gia T sinh ngày 22/12/2008

2- Cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 27/10/2010

Ly hôn nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng 3.000.000đ/1 tháng cho cháu Nguyễn Gia T sinh ngày 22/8/2008.

Ý kiến của các cháu Nguyễn Gia T và Nguyễn Ngọc B nếu bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ.

- *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn H được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H2 .

+ Về con chung: Có hai con chung là: Cháu Nguyễn Gia T sinh ngày 22/12/2008 và cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 27/10/2010. Giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Thu H2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia T đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu khu 3 thị trấn Th. B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ; chị Nguyễn Thị Thu H2 có hộ khẩu tại thôn Lương Thịnh, xã T.Th, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái anh chị đã có văn bản thoả thuận cùng chọn Toà án huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái là nơi giải quyết ly hôn, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

[2]. *Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết của Thẩm phán, thư ký, của Hội đồng xét xử, của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết nội dung vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H2 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Th. B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 13/07/2008, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã hoà giải giữa hai vợ chồng nhưng không thành, anh H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, và chị H2

đồng ý . Hội đồng xét xử thấy rằng rằng tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H2 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H2.

[4] *Về nuôi con chung*: có hai con chung: Cháu Nguyễn Gia T sinh ngày 22/12/2008 và cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 27/10/2010

Anh Nguyễn Văn H có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 22/12/2008 còn chị Nguyễn Thị Thu H2 nuôi cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 27/10/2010 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến chị Nguyễn Thị Thu H2: Do hiện nay hai cháu đều ở cùng chị có nhà, H tập ổn định, nếu cháu T ở với anh H thì không đảm bảo vì hiện nay anh H không có chỗ ở ổn định sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống và H tập của con, mặt khác nguyện vọng của các cháu nếu bố mẹ ly hôn đều muốn ở với mẹ. Do đó nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Gia T và cháu Nguyễn Ngọc B. Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia T sinh 22/12/2008 mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Về việc nuôi con chung cả hai đương sự không thống nhất được.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân gia đình “ *vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, nếu con 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”

Về điều kiện: Chị Nguyễn Thị Thu H2 nghề nghiệp là giáo viên có thu nhập ổn định có nhà riêng, hiện nay hai cháu T và cháu B đang ở với mẹ từ khi anh chị ly thân từ tháng 5/2022, và vẫn sống, H tập ổn định mặt khác nguyện vọng của hai cháu là khi bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Để bảo đảm quyền lợi của các cháu xét cần giao hai cháu T và cháu B cho chị Nguyễn Thị Thu H2 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H2 yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia T là 2.000.000đ / tháng . Xét thấy thu nhập của anh H là giáo viên lương tháng ổn định thu nhập 7.800.000đ/1 tháng nên mức yêu cầu của chị H2 đưa ra được chấp nhận.

[5] *Về chia tài sản và nợ chung*: Cả hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Anh Nguyễn văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 4, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H2 .

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Nguyễn Gia T sinh ngày 22/12/2008 và cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 27/10/2010 cho chị Nguyễn Thị Thu H2 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia Huy là: 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 9 năm 2022 trở đi cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Thu H2 cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0001684 ngày 23-5-2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, anh H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND TT Th. B, huyện Yên Bình
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hoàng Kim Sơn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Yên Bình;
- THA DS huyện Yên Bình
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Nhân;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Kim Sơn

